

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 27/2019/DS-ST

Ngày: 19-02-2019

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân.

2. Ông Thái Công Sét.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1967. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Th 1, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1980. (vắng mặt)

2.2. Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Th1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Tr trình bày:

Do mối quan hệ cùng xóm nên đầu năm 2018 bà có tham gia chơi hui do ông Lê Văn H và bà Lê Thị Ng làm chủ, cụ thể:

Dây hui 500.000 đồng/15 ngày, khởi khai ngày 25/6âl/2017 tức ngày 18/07/2017, bà tham gia 02 phần, đóng đến ngày 10/5âl/2018 tức ngày 23/6/2018 được 24 lần;

Dây hui 500.000 đồng/15 ngày, khởi khai ngày 01/10âl/2017 tức ngày 18/11/2017, bà tham gia 04 phần, đóng đến ngày 15/5âl/2018 tức ngày 28/6/2018 được 15 lần;

Dây hụi 100.000 đồng/ngày, khởi khai ngày 04/02/2018 tức ngày 20/3/2018, bà tham gia 05 phần, đóng đến ngày 22/5/2018 tức ngày 05/7/2018 được 108 ngày;

Ngày 06/7/2018, bà tiếp tục tìm vợ chồng ông H, bà Ng để đóng hụi nhưng không gặp đến ngày 08/7/2018 bà được biết ông H, bà Ng tuyên bố vỡ hụi và bà Ng có làm biên nhận nợ tổng cộng là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên sau đó ông H, bà Ng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H, bà Ng cùng liên đới chịu trách nhiệm trả dứt số nợ 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là ông Lê Văn H và bà Lê Thị Ng đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông, bà đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H và bà Ng cùng liên đới thanh toán số tiền hụi vốn gốc còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp “*Hợp đồng gộp hụi*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn là ông H và bà Ng có nơi cư trú tại ấp Th 1, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ông H, bà Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông, bà không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, bà và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông H, bà Ng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H, bà Ng cùng liên đới chịu trách nhiệm trả dứt số tiền hụi còn nợ bà là 100.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Tr có cung cấp biên nhận nợ do bà Ng ký nhận đồng thời bà còn cho rằng việc chơi hụi ông H đều biết và cùng làm chủ hụi.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì: “*Dương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập,*

cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”. Đối chiếu với quy định này thì bà Tr đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chứng minh của mình. Ngược lại, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông H, bà Ng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa, không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, HĐXX căn cứ vào chứng cứ và lời trình bày mà nguyên đơn cung cấp xác định việc nguyên đơn có tham gia chơi hụi do bị đơn làm chủ và hiện nay bị đơn vẫn còn nợ nguyên đơn là 100.000.000 đồng là có thật nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông H, bà Ng phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ là: 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007010 ngày 09/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu Tr, buộc bị đơn là ông Lê Văn H và bà Lê Thị Ng cùng liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Tr số tiền hụi còn nợ là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí: Ông H, bà Ng phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Bà Tr không phải chịu án phí hoàn trả cho bà Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007010 ngày 09/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND huyện Phú Tân;
- CC THA huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Hữu Nghĩa